

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - PT

Ngày 31 - 3 - 2022

“V/v: Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2022/TLPT - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 156/2021/HNGĐ – ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ - PT ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ Quốc M, Luật sư thuộc văn phòng luật sư MB, Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Ấp O, xã Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Q, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Q, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.3. Bà Trần Thị D, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực L, phường R, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố V vào ngày 07/01/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi vắng nhà và kiếm chuyện gây mâu thuẫn nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị đã cố hàn gắn nhưng không được. Do đó chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị B xác định giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 30/01/2020. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Sau đó, chị thay đổi ý kiến yêu cầu cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vào ngày đám nói, mẹ chồng của chị là bà Nguyễn Thị Bé S có cho cô dâu 01 cây vàng 24K (gồm: dây chuyền 03 chỉ, lắc 04 chỉ, vòng tay 02 chỉ, đeo bông 01 chỉ), còn chiếc kiềng đeo trên người là chiếc kiềng vàng 24K của chị gái tên Trần Thị D cho chị mượn, để đeo cho đẹp. Mẹ của chị không có cho tài sản gì. Trong quá trình chung sống, chị phải tự nuôi con, con thường xuyên bị bệnh nên chị phải bán vàng để nuôi con và lo chi phí sinh hoạt hàng ngày cho con như mua tả, sữa... Do vậy, vợ chồng không còn tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Trong quá trình chung sống, anh không có sai phạm gì. Do khi cưới đã thỏa thuận không ở rể, nay gia đình vợ cho đất nhưng không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì anh không đồng ý ở bên

vợ vì anh sợ tranh chấp về sau. Vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không trầm trọng, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung Nguyễn Tường V (giới tính nữ) sinh ngày 30/01/2020, anh đồng ý cho chị B nuôi con chung với điều kiện đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con, nếu con bị đánh đập hành hung thì anh xin thay đổi quyền nuôi con. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đến 18 tuổi vì tuy anh thương con nhưng anh không làm gì sai nên không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vào ngày đám nói, mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Bé S có cho vợ chồng 01 cây vàng 24K (gồm: dây chuyền 03 chỉ, vòng tay 02 chỉ, đeo bông 01 chỉ, lắc 04 chỉ). Ngoài ra, mẹ vợ là bà Trần Thị H có cho vợ chồng của anh 01 lượng vàng 18K. Số vàng 18K này anh không thấy trao tại đám cưới, chỉ thấy vợ đeo trên người trước đó và khi đám cưới thì được chủ hôn là ông Trần Văn E tuyên bố cho vợ chồng 01 cây vàng 18K. Anh không biết cụ thể là vàng kiểu gì, bởi vì sau đám cưới vợ anh là người cất giữ nhưng theo anh 01 cây vàng 18K gồm 01 chiếc kiềng vàng và những chiếc nhẫn 18K chị B đeo trên người. Khi đám cưới, không có quay phim nhưng có quay bằng điện thoại. Tuy nhiên, do lâu quá nên không còn để cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 156/2021/HNGĐ – ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị B. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 30/01/2020 cho chị Trần Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng: cấp định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/10/2021) cho đến khi cháu Nguyễn Tường V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Minh T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 08 chỉ vàng 24K và 01 cây vàng 18K.

- Về nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét trong cùng vụ án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Minh T kháng cáo bản án với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Anh Nguyễn Minh T không đồng ý cấp dưỡng cho con Nguyễn Tường V đến 18 tuổi, nếu chị B nuôi con không nổi thì trả lại cho anh Nguyễn Minh T nuôi.

Về tài sản chung: Anh T yêu cầu phân chia tài sản đúng theo pháp luật nhà nước hiện hành là 01 cây vàng 18K và 08 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của người làm chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Buộc bị đơn cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Nữ trang là cho riêng nguyên đơn. Đối với 08 chỉ vàng 24K còn lại nguyên đơn đã bán để chữa bệnh cho con và phục vụ sinh hoạt trong cuộc sống nên không còn để chia cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa này người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã Q, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân

thành phố V thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” là đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 11 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị B và bị đơn anh Nguyễn Minh T đều thống nhất và xác định kết hôn vào năm 2020 và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2020 ngày 07/01/2021.

Trong thời gian chung sống chị B và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng chị B không đồng ý, vẫn kiên quyết ly hôn, không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị B đã sống ly thân với anh T.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị B vì anh cho rằng còn thương vợ, thương con. Nhưng từ khi Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án đến ngày xét xử phúc thẩm, anh T và chị B vẫn chưa hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cả hai hiện tại vẫn đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị B là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, chị Trần Thị B và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 30/01/2020, hiện cháu V đang sống cùng với chị B. Anh T kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng cho cháu V, nếu chị B không nuôi nôi thì trả lại cho anh nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 30/01/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu V dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu V cho chị Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu V là phù hợp với quy định.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Vy cho chị B B trực tiếp nuôi, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu V hàng tháng 745.000đồng/tháng là phù hợp với thực tế thu nhập của anh T và có căn cứ pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T về việc không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về yêu cầu chia tài sản chung:

Anh T kháng cáo yêu cầu yêu cầu phân chia tài sản đúng theo quy định là 01 cây vàng 18K và 08 chỉ vàng 24K.

Đối với số vàng 08 chỉ (loại vàng 24K): Chị B và anh T đều thống nhất trong ngày tổ chức lễ cưới, gia đình anh T đã tặng cho chung 01 lượng vàng 24K. Anh T thống nhất là đã đồng ý việc chị B bán 02 chỉ vàng 24K để trang trải trong gia đình, còn lại 08 chỉ vàng 24K hiện nay do chị B đang quản lý và xác định trong thời kỳ hôn nhân không phát sinh thêm tài sản khác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng chị B và anh T là 01 lượng vàng 24K là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng thì khi ly hôn phải được chia đôi. Tuy nhiên, chị B thừa nhận chị là người trực tiếp quản lý, nhưng do cháu V mắc bệnh thường xuyên nên chị đã bán hết số vàng này để khám chữa bệnh và nuôi con là có cơ sở (bút lục số 39 – 44). Nhu cầu nuôi con chung và khám chữa bệnh, chi phí sinh hoạt hàng ngày của chị B là nhu cầu thiết yếu. Theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

Từ những căn cứ trên cho thấy việc chị B bán vàng cưới là tài sản chung của vợ chồng là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày trong gia đình để khám chữa bệnh và chăm sóc con là phù hợp, nên việc anh T kháng cáo để yêu cầu chia số vàng vàng này là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số vàng 01 lượng vàng 18K: Anh T cho rằng là tài sản chung được mẹ vợ là bà Trần Thị H tặng cho trong ngày cưới và là một chiếc kiềng chị B đeo trên cổ. Lời trình bày của anh T không được chị B thừa nhận, chị B cho rằng vàng nữ

trang 18K là của chị có trước ngày đám cưới, còn chiếc kiềng vàng chị đeo là vàng 24K, không phải là vàng 18K như anh T trình bày và chiếc kiềng này là do chị mượn của chị Trần Thị D đeo lên cho đẹp vào ngày đám cưới. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2021 (bút lục 63) bà H xác định không có cho vàng cưới 01 lượng 18K như lời trình bày của anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022 (bút lục 60) chị Hiếu cũng xác định chiếc kiềng vàng 24K là của chị D.

Đối chiếu với lời trình bày của những người làm chứng của anh T trình bày có nghe chủ hôn là ông E tuyên bố nội dung nhà gái cho 01 cây vàng 18K, nhưng cũng không biết rõ là những món gì. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai của ông Trần Văn E (bút lục số 69) là chủ hôn lại xác định là “không nghe nói và không biết đối với số vàng 18K mà chỉ biết số vàng cưới mà họ nhà trai trình cho cô dâu là 01 cây vàng 24K”.

Như vậy, việc anh T cho rằng được gia đình bên vợ có cho vợ chồng 01 lượng vàng 18K nhưng lại không biết rõ cụ thể là loại trang sức gì, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu chia đối với số vàng này nên kháng cáo của anh T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của Luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị B. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 30/01/2020 cho chị Trần Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Phương thức cấp dưỡng: cấp định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/10/2021) cho đến khi cháu Nguyễn Tường V đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Minh T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 08 chỉ vàng 24K và 01 cây vàng 18K.

5. Về nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét trong cùng vụ án.

6. Về án phí:

6.1. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006327 ngày 01/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Buộc anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ số tiền 1.123.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng) mà anh T đã tạm nộp theo biên lai số 0006339 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang, anh T được nhận lại 523.000 đồng (Năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

6.2. Về án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001076 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành

án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/3/2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng